

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 48/2019/HSST
Ngày 11 - 7 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU-TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Bằng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Trần Trung N**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989; Tại: B; Nơi ĐKKH: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Cha: Trần Hoàng N, sinh năm 1962; Mẹ: Lê Thị L, sinh năm 1958; Anh, chị, em ruột: 03 người, lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1993; Vợ: Thạch Thị Thu T, sinh năm 1997; Con: 01 người, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 27/7/2018 bị bắt tạm giam đến nay (có mặt).

2. **Bùi Nhật H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: P; Sinh năm: 1996; Tại: B; Nơi ĐKKH: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Khóm M, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Cha: Bùi Văn T, sinh năm 1970; Mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1959; Anh, chị, em ruột: 03 người, lớn nhất bị cáo, nhỏ

sinh năm 2000; Vợ: Đặng Nguyễn Phương T, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 27/7/2018 bị bắt tạm giam đến nay (có mặt).

*** *Người bào chữa cho các bị cáo:*** Bà Trần Thị Hằng Như – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

*** *Bị hại:***

1. Chị Tiêu Hằng A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số D, Khóm M, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khóm B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

4. Chị Lê Thị Tú M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5. Bà Tăng Thị X, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số M, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

6. Bà Vũ Thị G, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

*** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Thạch Thị Thu T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. Ông Trần Minh S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số N, đường H, Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo N và bị cáo H là anh em bà con, cả hai đều không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài, bị cáo N rủ bị cáo H đi cướp giật tài sản của người khác, bị cáo H đồng ý. Cả hai bàn bạc và thống nhất bị cáo H là người trực tiếp điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng-đen-đỏ, biển số 84K1-287.34 (của vợ bị cáo N là Thạch Thị Thu T đứng tên chủ sở hữu) chở bị cáo N ngồi sau đi tìm những người phụ nữ có tài sản sơ hở để cướp giật. Với kế hoạch đã thống nhất, trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2018 đến ngày 20/7/2018, bị cáo N

và bị cáo H đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ cướp giật tài sản của người khác trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 19/4/2018, bị cáo H điều khiển xe 84K1-287.34 chở bị cáo N đi trên đường V thì nhìn thấy bà Dương Việt T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 94K1-556.10 chở bà Vũ Thị G ngồi sau cầm điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime Blue Silver, màu xanh, có bao da màu đen nên bám theo. Đến đoạn trước xưởng tiện T, Khóm H, Phường T, thành phố B, bị cáo H điều khiển xe vượt lên bên trái cho bị cáo N ngồi sau giật điện thoại di động của bà G rồi chạy thoát. Sau đó, bị cáo H tháo bao da và sim ném bỏ rồi đem điện thoại của bà G đến cửa hàng T, Khóm B, Phường N, thành phố B (do ông Nguyễn Văn T làm chủ) bán được 2.800.000 đồng. Số tiền này các bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 74 ngày 22/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: “Một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime Blue Silver màu xanh, có bao da màu đen, tỷ lệ còn lại là 98%, có giá là 4.890.200 đồng”. Riêng một bao điện thoại bằng da, màu đen không rõ nhãn hiệu nên không định giá được.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 02/6/2018, bị cáo H điều khiển xe 84K1-287.34 chở bị cáo N đi trên đường T, bị cáo N nhìn thấy chị Nguyễn Thị Mỹ L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu tím, biển số 71B2-049.11 chở theo hai người con nhỏ, trong hộp bên trái cổ xe có để một cái ví (bên trong có số tiền 1.700.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân) nên kêu bị cáo H bám theo. Khi chị L vừa đi từ đường T rẽ trái vào khu chợ Phường M, thành phố B thì bị cáo H điều khiển xe vượt lên bên trái cho bị cáo N ngồi sau giật cái ví của chị L rồi chạy thoát. Sau đó, bị cáo H và bị cáo N lấy số tiền 1.700.000 đồng rồi ném bỏ cái ví cùng giấy tờ của chị L. Số tiền này bị cáo N và bị cáo H chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 180 ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: Đối với ví da của chị L do không rõ nhãn hiệu nên không định giá được.

Vụ thứ ba. Khoảng 20 giờ ngày 20/6/2018, bị cáo H điều khiển xe 84K1-287.34 chở bị cáo N đi trên đường Nguyễn Thị N, Khóm H, Phường B, thành phố B, bị cáo N nhìn thấy bà Huỳnh Ngọc N đang đi bộ, trên cổ bà N có đeo sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ, có mặt dây chuyền hình bông mai, bằng vàng 18K, trọng lượng 05 phân, tất cả đều được mạ vàng trắng nên kêu bị cáo H quay lại. Bị cáo H điều khiển xe vượt lên bên trái cho bị cáo N ngồi sau giật dây chuyền của bà N rồi chạy thoát. Đến khoảng 10 giờ ngày 21/6/2018, bị cáo H đem dây chuyền của bà N đến tiệm vàng Kim D, Phường B, thành phố B (do ông Huỳnh Thanh T làm chủ) bán được 4.525.000 đồng. Số tiền này hai bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 180, ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: “Một dây chuyền bằng kim loại vàng 18K, được mạ vàng trắng bên ngoài, loại dây chuyền kết bi tròn, trọng lượng 04 chỉ, với giá 11.168.000 đồng; một mặt dây chuyền bằng kim loại vàng 18K, được mạ vàng trắng bên ngoài, hình bông mai, trọng lượng 0,5 chỉ, với giá 1.451.000 đồng”. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.619.000 đồng.

Vụ thứ tư. Khoảng 21 giờ ngày 07/7/2018, bị cáo H điều khiển xe 84K1-287.34 chở bị cáo N đi trên đường Lê D, N nhìn thấy chị Lê Thị Tú M ngồi trên xe mô tô loại Vision, màu nâu, biển số 94K1-067.42 để mua đồ, trong hộc bên trái cổ xe có để điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu bạc, bộ nhớ trong 64GB, có ốp lưng bằng nhựa hiệu Tekin, màu xanh đen nên kêu bị cáo H bám theo. Khi chị M điều khiển xe đến đoạn trước quán nước S, đường Trần H, Khóm B, Phường M, thành phố B thì bị cáo H điều khiển xe vượt lên bên trái cho bị cáo N ngồi sau giật điện thoại của chị M rồi chạy thoát. Sau đó, bị cáo H tháo ốp lưng và sim ném bỏ rồi đem điện thoại đi động đến cửa hàng Chí T, tại Khóm B, Phường B, thành phố B (do ông Nguyễn Chí T làm chủ) bán được 4.000.000 đồng. Số tiền này các bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 180, ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: “Một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu bạc, bộ nhớ trong 64GB và một ốp lưng bằng nhựa nhãn hiệu Tekin, màu xanh đen, với tổng giá trị là 6.697.500 đồng”.

Vụ thứ năm. Khoảng 18 giờ ngày 16/7/2018, bị cáo H điều khiển xe 84K1-287.34 chở bị cáo N đi trên đường V, bị cáo N nhìn thấy bà Tăng Thị X chở theo người cháu nhỏ trên xe mô tô hiệu Yamha, loại Nouvo, màu đỏ, biển số 94K1-083.11 đang dừng xe bên đường để mua đồ, trong hộc bên trái cổ xe có để một ví nữ (bên trong có 1.000.000 đồng) nên kêu bị cáo H bám theo. Khi bà X điều khiển xe đến đoạn trước nội thất C, đường N, Khóm B, Phường H, thành phố B thì bị cáo H điều khiển xe chạy vượt lên bên trái cho bị cáo N ngồi sau giật cái ví của bà X rồi chạy thoát. Sau đó, bị cáo H và bị cáo N lấy số tiền 1.000.000 đồng rồi ném bỏ cái ví của bà X. Số tiền này hai bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 180 ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: Đối với ví da của bà Tăng Thị X do không rõ nhãn hiệu nên không định giá được.

Vụ thứ sáu. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/7/2018, bị cáo H điều khiển xe 84K1-287.34 chở bị cáo N đi trên đường T, N nhìn thấy chị Tiêu Hằng A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Click, màu đen, biển số 94M1-6098 đang chở theo hai người con nhỏ, trong túi áo bên trái của chị Hằng A có để một điện thoại di động hiệu Oppo F3, màu hồng nhạt, gắn ốp lưng bằng nhựa màu trắng nên kêu H bám theo. Khi chị Hằng A điều khiển xe đến đoạn trước Hội nông dân tỉnh

Bạc Liêu, đường Hùng Vương 1, Khóm 5, Phường 1, thành phố Bạc Liêu thì bị cáo H điều khiển xe chạy vượt lên bên trái cho bị cáo N ngồi sau giật điện thoại di động của chị Hằng A rồi chạy thoát. Sau đó, bị cáo H tháo ốp lưng và sim ném bỏ rồi đem điện thoại của chị Hằng A đến tiệm điện thoại Nguyễn S, Phường N, thành phố B để chạy lại chương trình. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe mô tô, biển số 94F5-7385 chở vợ là Đặng Nguyễn Phương T, còn bị cáo N điều khiển xe 84K1-287.34 chở chị Hồ Kim M (bạn của T) đến tiệm cầm đồ S, Khóm H, Phường B, thành phố B (do ông Trần Minh S làm chủ). Tại đây, các bị cáo H và N đi vào tiệm bán điện thoại của chị Hằng A được 2.000.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 180, ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: “Một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3, màu hồng nhạt, tỷ lệ còn lại 90%, với giá là 3.591.000 đồng”. Riêng một ốp lưng bằng nhựa, màu trắng không rõ nhãn hiệu nên không định giá được.

Bản Cáo Trạng số 27/CT-VKSTPBL ngày 21/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung N và bị cáo Bùi Nhật H mỗi bị cáo mức án tù 03 năm 06 tháng – 04 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại, được đối trừ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả theo tỷ lệ bị thiệt hại.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, loại phím bấm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Forme, màu đen, loại phím bấm, kèm 02 sim số;

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đỏ-xanh-trắng-đen, không rõ nhãn hiệu; 01 nón kết nam bằng vải, màu xanh; 01 đôi giày màu xám-trắng, dưới đế giày có dòng chữ Sport Fashion.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai khác của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2018 đến ngày 20/7/2018, trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, các bị cáo đã thực hiện 06 lần cướp giật các tài sản gồm điện thoại di động, dây chuyền và ví của bà Vũ Thị G, chị Nguyễn Thị Mỹ L, bà Huỳnh Ngọc N, chị Lê Thị Tú M, bà Tăng Thị X và chị Tiêu Hằng A, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 30.497.700 đồng.

Xét thấy các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, điều khiển mô tô áp sát người bị hại đang điều khiển xe hoặc đi bộ rồi nhanh chóng và bất ngờ giật tài sản rồi điều khiển xe tẩu thoát. Khi thực hiện hành vi nêu trên, các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*cướp giật tài sản*” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự.

Mặt khác, các bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội có sự bàn bạc và thống nhất kế hoạch cụ thể, các bị cáo thống nhất bị cáo H trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 84K1-287.34 chở bị cáo N ngồi sau đi tìm những người phụ nữ có tài sản sơ hở để cướp giật, bị cáo N là người thực hiện hành vi giật tài sản, không giật

tài sản của nam, người già, trẻ em. Hơn nữa, các bị cáo dùng thủ đoạn để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác là sử dụng xe mô tô làm phương tiện rồi lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản đang đi bộ, đi xe mô tô, xe máy để áp sát nhanh chóng giật tài sản rồi điều khiển xe tẩu thoát; Xét thấy đây là thủ đoạn nguy hiểm có thể ảnh hưởng tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Hành vi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “có tổ chức” và “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo; các bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 1.000.000 đồng (mỗi bị cáo 500.000 đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự Bạc Liêu để bồi thường cho người bị hại, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Tuy nhiên, các bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho người dân, nên cần phải có một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[6] Do vai trò phạm tội khác nhau nên cần có sự đánh giá, cân nhắc mức độ phạm tội của từng bị cáo khi quyết định hình phạt để có mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo. Bị cáo N vừa là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị phương tiện là xe mô tô, vừa là người trực tiếp giật tài sản. Bị cáo H là người điều khiển xe mô tô để bị cáo N thực hiện hành vi giật tài sản của người khác, là người đi bán tài sản cướp giật có được. Cho nên, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo N cao hơn bị cáo H cũng là phù hợp.

[7] Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, loại phím bấm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Forme, màu đen, loại phím bấm; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ-xanh-trắng-đen, không rõ nhãn hiệu; 01 nón kết nam bằng vải, màu xanh; 01 đôi giày màu xám-trắng, dưới đế giày có dòng chữ Sport Fashion; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng-đen-đỏ, biển số 84K1-287.34; một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3, màu hồng nhạt.

Một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3, màu hồng nhạt là của chị Tiêu Hằng A, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho chị A xét thấy là phù hợp.

Đôi xe mô tô, biển số 84K1-287.34 là của chị Thạch Thị Thu T đứng tên chủ sở hữu, do chị T không biết các bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên trả lại cho chị T là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, loại phím bấm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Forme, màu đen, loại phím bấm thu giữ của các bị cáo. Các bị cáo sử dụng các điện thoại này để liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội, cho nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ-xanh-trắng-đen, không rõ nhãn hiệu; 01 nón kết nam bằng vải, màu xanh; 01 đôi giày màu xám-trắng, dưới đế giày có dòng chữ Sport Fashion thu giữ của các bị cáo. Xét thấy các vật trên có giá trị không lớn và các bị cáo không yêu cầu nhận lại, cho nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại phần lớn không thu hồi được, cho nên các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định pháp luật.

- Tài sản các bị cáo cướp giật của chị Tiêu Hằng A, đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, chị A không yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

- Bà Vũ Thị G yêu cầu bồi thường số tiền 4.890.200 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu bồi thường số tiền 1.700.000 đồng; bà Huỳnh Ngọc N yêu cầu bồi thường số tiền 11.168.000 đồng; chị Lê Thị Tú M yêu cầu bồi thường số tiền 6.697.500 đồng; bà Tăng Thị X yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Xét thấy các yêu cầu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đồ vật, tài sản còn lại như ví da, bao da, các giấy tờ cá nhân bà G, chị L, bà N, chị M, bà X không yêu cầu bồi thường. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại, các bị cáo chia đều cho nhau. Cho nên, các bị cáo N và H mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại $\frac{1}{2}$ thiệt hại.

Gia đình các bị cáo đã nộp số tiền 1.000.000 đồng theo lai thu số 000046, 000047 ngày 12/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được đối trừ theo tỷ lệ bị thiệt hại, bà Vũ Thị G được nhận số tiền 190.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ L được nhận số tiền 70.000 đồng, bà Huỳnh Ngọc N được nhận số tiền 440.000 đồng, chị Lê Thị Tú M được nhận số tiền 260.000 đồng, bà Tăng Thị X được nhận số tiền 40.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Như vậy, bị cáo N và bị cáo H mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho bà Vũ Thị G số tiền 2.350.100 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 815.000 đồng; bà Huỳnh Ngọc N số tiền 5.364.000 đồng; chị Lê Thị Tú M số tiền 3.218.750 đồng; bà Tăng Thị X số tiền 480.000 đồng.

Đối với ông Trần Minh S đã mua điện thoại của các bị cáo bán với số tiền 2.000.000 đồng, điện thoại này các bị cáo cướp giật được của chị Hằng A. Ông S đã giao nộp lại điện thoại và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận thực hiện thêm 04 vụ cướp giật tài sản khác trên địa bàn thành phố B. Tuy nhiên, do chưa xác định được bị hại, chưa có căn cứ xử lý trách nhiệm của các bị cáo, nên giao Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[10] Đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Chí T và Huỳnh Thanh T, Cơ quan điều tra không chứng minh được việc T, T và T có mua tài sản do bị cáo H bán nên không có căn cứ xử lý.

[11] Đối với Trần Minh S, Đặng Nguyễn Phương T và Hồ Kim M không biết tài sản của các bị cáo đem bán là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Trung N và Bùi Nhật H (P) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung N 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt ngày 27/7/2018.

Xử phạt bị cáo Bùi Nhật H (P) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt ngày 27/7/2018.

3. Trách nhiệm dân sự: Điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 586; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Trần Trung N và bị cáo Bùi Nhật H mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Vũ Thị G số tiền 2.350.100 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 815.000 đồng;

bà Huỳnh Ngọc N số tiền 5.364.000 đồng; chị Lê Thị Tú M số tiền 3.218.750 đồng; bà Tăng Thị X số tiền 480.000 đồng.

Bà Vũ Thị G được nhận số tiền 190.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ L được nhận số tiền 70.000 đồng, bà Huỳnh Ngọc N được nhận số tiền 440.000 đồng, chị Lê Thị Tú M được nhận số tiền 260.000 đồng, bà Tăng Thị X được nhận số tiền 40.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (gia đình các bị cáo đã nộp theo lai thu số 000046, 000047 ngày 12/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đỏ-xanh-trắng-đen, không rõ nhãn hiệu; 01 nón kết nam bằng vải, màu xanh; 01 đôi giày màu xám-trắng, dưới đế giày có dòng chữ Sport Fashion.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, loại phím bấm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Forme, màu đen, loại phím bấm, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2019.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Trung N và bị cáo Bùi Nhật Hg mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 611.392 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu; tỉnh Bạc Liêu;
- Công an thành phố Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;

Đã ký tên và đóng dấu

- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.BL;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu.

Lê Hồng Lam